

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2026/HS-ST**
Ngày: 27 - 5 -2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Tân

Ông Phạm Đức Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Võ Công Văn - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm trực tiếp công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2026, đối với bị cáo:

Giáp Văn N, sinh năm 1993, tại Đồng Nai; Căn cước công dân: 075093008280; Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: ấp B, xã X, thành phố Đ. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Giáp Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị N1; Vợ, con: chưa có;

Tiền án: 01. Tại Bản án số 01/2017/HSST ngày 05/01/2017, bị Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai) xử phạt 08 (tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/4/2017, chưa thực hiện nghĩa vụ đóng án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*).

Tiền sự: 01. Tại Quyết định số 39/QĐ-TA ngày 01/12/2023, bị Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai (nay là Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 thành phố Đ) thời hạn 22 (hai mươi hai) tháng, chấp hành xong ngày 16/6/2025.

Nhân thân: 02

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 160/2015/HSST ngày 12/9/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai) xử phạt 09 (chín) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/3/2016.

Tại Quyết định số 36/QĐ-TA ngày 01/12/20220 bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai (nay là Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 thành phố Đ) thời hạn 20 (hai mươi) tháng, chấp hành xong ngày 03/5/2022.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 13/3/2026. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

- *Bị hại:*

1. Ông Bùi Hữu T, sinh năm: 1981 (*Vắng mặt*)

Nơi cư trú: Ấp B, xã X, thành phố Đ.

2. Anh Vòng Vĩnh T1, sinh năm: 1996 (*Vắng mặt*)

Nơi cư trú: Ấp T, xã X, thành phố Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Bùi Thành Đ, sinh năm: 1970 (*Vắng mặt*)

Nơi cư trú: Ấp H, xã X, thành phố Đ.

2. Bà Ngô Thị N2, sinh năm: 1967 (*Vắng mặt*)

Nơi cư trú: Ấp H, xã X, thành phố Đ.

3. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1965 (*Vắng mặt*)

Nơi cư trú: Ấp B, xã X, thành phố Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giáp Văn N là đối tượng không có nghề nghiệp, để có tiền tiêu xài cá nhân đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 06/01/2026, Bùi Thành Đ nhận cuộc gọi điện thoại từ N rủ Đ đi tìm kiếm tài sản để trộm cắp thì Đ đồng ý và hẹn gặp nhau ở “Trường THCS N3” thuộc ấp B, xã X, tỉnh Đồng Nai. Do lúc này Đ đang ở nhà của bà Ngô Thị N2 là mẹ ruột của Đ và thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu xám đen biển số 60H5- 304.26 của bà N2 đang dựng trước nhà, cầm sẵn chìa khoá nên Đ đã điều khiển xe mô tô trên đi đến ngã ba giáp với Q (gần tạp hoá “C” thuộc ấp B, xã X) thì thấy N đang đứng chờ. Sau đó, Đ chở N dạo quanh các con hẻm đường nội ấp trong xã X rồi đi vào đường đất hướng vào rẫy thanh long của người dân thuộc ấp B, xã X. Tại đây, Đ và N phát hiện thấy dãy “Nhà trọ” của anh Bùi Hữu T không có người ở và vắng người qua lại nên Đ và N thống nhất một người

giữ, một người nhấc các cánh cửa ra khỏi bản lề để tháo toàn bộ cửa chính và cửa sổ của toàn bộ dãy phòng trọ “được hàn dính bằng các thanh sắt và bịt bằng tôn” để lấy sắt và tôn đem đi bán. Để thực hiện ý định trên, Đ dựng xe ở ven đường rồi cùng N đi vào dãy trọ để tháo và trộm cắp tài sản. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì Đ và N đã tháo được hết toàn bộ cửa chính và cửa sổ của dãy trọ (gồm 05 khung cửa chính, mỗi khung có diện tích 2,1m x 80cm và 06 khung cửa sổ, mỗi khung có diện tích là 1m x 40cm, toàn bộ đều được hàn dính bằng các thanh sắt và bịt bằng tôn), rồi sắp xếp gọn gàng dùng băng keo quấn xung quanh. Tiếp đó. Đ dùng xe mô tô có sẵn rồi cùng Ngọc khiêng toàn bộ tài sản trộm cắp được đưa lên xe, Đ là người điều khiển xe còn N ngồi phía sau để ôm mang đi bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi được khoảng 500 mét thì Đ và N bị lực lượng Công an xã X cùng người dân phát hiện và đưa về trụ sở để làm việc. Ngoài ra, vào khoảng 13 giờ 50 phút ngày 05/3/2026, tại ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai; Giáp Văn N còn trộm cắp tài sản là 25 mét dây điện máy bơm, hiệu ĐAI NAM TANDAPHA, màu đen, loại 03 lõi, (03x3.5mm) của anh Vòng Vĩnh T1.

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 04/KL-HĐĐGTS ngày 06/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Đồng Nai kết luận:

- 05 (năm) khung cửa chính, mỗi khung có diện tích 2,1m x 80cm và 06 (sáu) khung cửa sổ, mỗi khung có diện tích là 1m x 40cm, toàn bộ đều được hàn dính bằng các thanh sắt và bịt bằng tôn có khối lượng 96,3kg, đã qua sử dụng có giá trị là: 578.000 đồng (năm trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

* Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 04/KL-HĐĐG ngày 11/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Đồng Nai kết luận:

- 25 (hai mươi lăm) mét dây điện màu đen, hiệu Đại Nam Tandapha, loại 03 lõi (3x3,5mm) đã qua sử dụng có giá trị là: 975.000 đồng (chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

* Vật chứng vụ án:

- 05 (năm) khung cửa chính, mỗi khung có diện tích 2,1m x 80cm và 06 (sáu) khung cửa sổ, mỗi khung có diện tích là 1m x 40cm, toàn bộ đều được hàn dính bằng các thanh sắt và bịt bằng tôn, có tổng khối lượng là 96,3kg đã qua sử dụng.

- 25 (hai mươi lăm) mét dây điện màu đen, hiệu ĐAI NAM TANDAPHA, loại 03 lõi, (3x3,5mm) đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu xám đen biển số 60H5-304.26.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu vàng đen, biển kiểm soát 60B5-812.36.

- 01 (một) kim bấm màu đỏ đen, có dòng chữ UNITY (đã qua sử dụng).

Tại bản cáo trạng số: 41/CT-VKSKV6 ngày 05 tháng 5 năm 2026, Viện

kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai truy tố bị cáo Giáp Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo bản cáo trạng và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Giáp Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng: không có. Tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội gây thiệt hại không lớn; người phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Giáp Văn N từ 12 tháng đến 14 tháng tù.

Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án thể hiện: Giáp Văn N đang có 01 tiền án, về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (chưa được xóa án tích), vào ngày 06/01/2026 tại ấp B, xã X, thành phố Đ đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là: 05 khung cửa chính, mỗi khung có diện tích 2,1m x 80cm và 06 khung cửa sổ, mỗi khung có diện tích là 1m x 40cm, toàn bộ đều được hàn dính bằng các thanh sắt và bịt bằng tôn có khối lượng 96,3kg, đã qua sử dụng trị giá 578.000 đồng của bị hại Bùi Hữu T và ngày 05/3/2026 tại ấp T, xã X, thành phố Đ lại có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là: 25 mét dây điện màu đen, hiệu Đại Nam Tandapha, loại 03 lõi (3x3,5mm) đã qua sử dụng trị giá 975.000 đồng của bị hại Vòng V. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 1.553.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Giáp Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa

đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo đã 02 lần bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác mà lại tiếp tục phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; tài sản đã thu hồi và trả lại cho các bị hại là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

[6] Về xử lý vật chứng:

- 05 (năm) khung cửa chính, mỗi khung có diện tích 2,1m x 80cm và 06 (sáu) khung cửa sổ, mỗi khung có diện tích là 1m x 40cm, toàn bộ đều được hàn dính bằng các thanh sắt và bít bằng tôn, có tổng khối lượng là 96,3kg đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của bị hại Bùi Hữu T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ (nay là Công an thành phố Đ) đã trao trả cho ông Bùi Hữu T là phù hợp.

- 25 (hai mươi lăm) mét dây điện màu đen, hiệu ĐAI NAM TANDAPHA, loại 03 lõi, (3x3,5mm) đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bị hại Vòng V nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã trao trả cho anh Vòng Vĩnh T1 là phù hợp.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu xám đen biển số 60H5-304.26. Quá trình điều tra xác định xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của bà Ngô Thị N2 là mẹ ruột của Bùi Thành Đ, bà N2 hoàn toàn không biết việc Đ và Giáp Văn N sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã trao trả cho bà Ngô Thị N2 là phù hợp.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu vàng đen, biển kiểm soát 60B5-812.36. Quá trình điều tra xác định xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị N1 là mẹ ruột của Giáp Văn N, bà N1 hoàn toàn không biết việc Giáp Văn N sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã trao trả cho bà Nguyễn Thị N1 là phù hợp.

- 01 (một) kim bấm màu đỏ đen, có dòng chữ UNITY (đã qua sử dụng) là công cụ Giáp Văn N đã sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội không

còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các đương sự không có yêu cầu về dân sự nên không xem xét, giải quyết.

[8] Đối với các đối tượng khác:

Đối với Bùi Thành Đ do đã được xóa án tích đối với các Bản án trước đó và lần phạm tội này do tài sản trộm cắp không đủ định lượng nên hành vi của Bùi Thành Đ không đủ yếu tố cấu thành tội phạm: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ chuyển các tài liệu liên quan cho Công an xã X để lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với Bùi Thành Đ là phù hợp.

Đối với Ngô Thị N2 và Nguyễn Thị N1 hoàn toàn không biết việc Bùi Thành Đ và Giáp Văn N sử dụng xe mô tô của bà N2 và bà N1 làm phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ không đưa ra hình thức xử lý là phù hợp.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025);

Tuyên bố bị cáo Giáp Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Giáp Văn N **01 (một)** năm **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/3/2026.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) kim bấm màu đỏ đen, có dòng chữ UNITY (đã qua sử dụng).

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/5/2026).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án.

Buộc bị cáo Giáp Văn N phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND. Thành phố Đồng Nai;
- VKSND. Thành phố Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an thành phố Đồng Nai;
- VKSND KV6 - Đồng Nai;
- Phòng THADS KV6 - Đồng Nai;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Hương